TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI
Bản án số: 23/2018/HNGĐ- ST
Ngày 03-5-2018
V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN- TỈNH YÊN BÁI
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ P toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lương Trung Dũng
- Bà Nguyễn Hoàng Liên

Thư ký P toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn- Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia P tòa: Ông Nguyễn Công Thi- Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên mở P toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 17-4-2018 giữa;

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị V, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái- Có mặt

Bị đơn: Anh Trương Văn P, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái - Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 29-3-2018 nguyên đơn chị Phùng Thị V trình bày: Tôi kết hôn với anh Trương Văn P ngày 14-6-2012, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C,

huyện V. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn đến khi tôi mang thai cháu Thuận thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P uống rượu chè về nhà hay chửi mắng, hành hạ đánh đập tôi. Nay tôi xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh P.

Về con chung: Tôi và anh P có một con chung tên là Trương Đức T, sinh ngày 28-11-2013. Tôi nhất trí để anh P nuôi cháu T, tôi cấp dưỡng nuôi cháu T 500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tôi và anh P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02-4-2018 bị đơn anh Trương Văn P trình bày: Tôi kết hôn với cô Phùng Thị V ngày 14-6-2012, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cô V có quan hệ ngoại tình với Nguyễn Văn C ở xã C, huyện V, tôi đã lập biên bản xong bỏ qua không trách móc gì cô V. Đến ngày 13 tháng 6 năm 2017 cô V bỏ nhà đi đâu tôi không biết. Tôi và cô V đã sống ly thân từ đó đến nay. Tôi xác định tình cảm với cô V vẫn còn, cô V xin ly hôn tôi không nhất trí. Đề nghị Tòa án hòa giải vợ chồng về đoàn tụ

Về con chung: Tôi và cô V có một con chung tên là Trương Đức T, sinh ngày 28-11-2013. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T và cô V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T 500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tôi và cô V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong các ngày 04-4-2018 và ngày 12-4-2018 Tòa án tiến hành hòa giải, chị V và anh P không thỏa thuận được về tình cảm, nhưng thỏa thuận được việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tại P tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử cho chị Phùng Thị V được ly hôn anh Trương Văn P; anh Trương Văn P được trực tiếp nuôi cháu Trương Đức T, sinh ngày 26-11-2013, chị Phùng Thị V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/tháng; chị V phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại P toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

{3} *Về tình cảm:* Chị Phùng Thị V và anh Trương Văn P kết hôn ngày 14-6-2012, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V. Trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị V và anh P chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P rượu chè về nhà chửi mắng, đánh đập chị V. Chị V xác định tình cảm không còn xin được ly hôn anh P. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại P tòa hôm nay anh P cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị V có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, anh xác định tình cảm với chị V vẫn còn anh không nhất trí ly hôn. Nhưng anh P không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh được chị V có quan hệ ngoại tình và cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh anh chị còn tình cảm với nhau. Qua xác minh tại nơi cư trú của chị V và anh P cũng xác nhận: Thời gian đầu chị V và anh P chung sống hạnh phúc. Đến tháng 6-2017 xảy ra mâu thuẫn chị V bỏ nhà đi không chung sống cùng anh P nữa. Nguyên nhân là do có nghe tin chị V quan hệ ngoại tình. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị V và anh P là trầm trọng. đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị V được ly hôn anh P.

{4} *Về con chung*: Chị V và anh P có một con chung tên là Trương Đức T, sinh ngày 28-11-2013. Trong quá trình giải quyết vụ án chị V và anh P thỏa thuận anh P trực tiếp nuôi cháu T, chị V cấp dưỡng nuôi cháu T 500.000 đồng/tháng. Tại P tòa hôm nay chị V và anh P vẫn giữ nguyên thỏa thuận đó. Sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

{5} *Về tài sản chung:* Chị V và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{6} *Về nợ chung:* Không có.

{7} *Về án phí*: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (do các đương sự thỏa thuận được việc cấp dưỡng nuôi con trong P hòa giải trước khi mở P tòa nên phải chịu 50%)

{8} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; các Điều 147, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Chị Phùng Thị V được ly hôn anh Trương Văn P.

2- Công nhận sự thỏa thuận của chị Phùng Thị V và anh Trương Văn P về việc nuôi con chung như sau: Anh Trương Văn P trực tiếp nuôi cháu Trương Đức T, sinh ngày 28-11-2013, chị Phùng Thị V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/tháng, kể từ tháng 6-2018 cho đến khi cháu Thuận đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Trương Văn P có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Phùng Thị V chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Phùng Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2013/04760 ngày 29-3-2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Chị V còn phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3- Quyền kháng cáo:

Chị Phùng Thị V và anh Trương Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA P TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Văn Yên;
- CCTHA Văn Yên;
-UBND xã C;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh